

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2019

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lẹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1961; địa chỉ: Số A, ấp V, xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu P, sinh năm 1962; trú tại: Số A, ấp V, xã VT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà B với ông P chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 1981 tại UBND xã BT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, thời gian đầu sống chung hạnh phúc tháng 4 năm 2019 thì mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân do trước đó ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, hiện đã có con với người khác, đến tháng 4/2019 thì bà B mới biết sự việc trên, ông P không lo làm ăn dẫn đến nợ, hiện bà B chấp nhận gánh trả nợ thay cho ông P, bà B và ông P ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, tuy còn ở chung nhà nhưng vợ chồng không sinh hoạt vợ chồng chung, nay bà B yêu cầu ly hôn với ông Trần Hữu P.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Thụy Thảo U, sinh năm 1982 và Trần Thụy Thảo L, sinh năm 1983 hiện đã trưởng thành, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Hữu P trình bày:

Về hôn nhân: Ông P và bà B chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào năm 1981. Ông P và bà B chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, vợ chồng hay cự cãi với nhau, ông P có quan hệ tình cảm với người khác, nay ông P đồng ý ly hôn với bà B.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Thụy Thảo U, sinh năm 1982 và Trần Thụy Thảo L, sinh năm 1983 hiện đã trưởng thành, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà B và ông P. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị B xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với ông Trần Hữu P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà B với ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông P có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Bà B và ông P đăng ký kết hôn vào năm 1981 tại Ủy ban nhân dân xã BT, huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, bà B và ông P đã không làm được điều đó, vợ chồng đã không quan tâm chia sẻ những khó khăn cho nhau, không thể dung hòa mối quan hệ hôn nhân, ông P có tình cảm với người khác nên bà B và ông P đã ly thân từ

tháng 4/2019 đến nay, từ khi ly thân đến nay bà B và ông P cũng không gặp nhau để tìm giải pháp hàn gắn. Vì vậy, hôn nhân giữa bà B và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa ông P đồng ý ly hôn với bà B nên sự tự nguyện thuận tình ly hôn này là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Con chung tên Trần Thụy Thảo U, sinh năm 1982 và Trần Thụy Thảo L, sinh năm 1983 đã trưởng thành nên ông P và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Bà B và ông P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị B và ông Trần Hữu P.

2. Về nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2018/0002945 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Bà Lê Thị B và ông Trần Hữu P có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã VT;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lẹ